

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 344/2024/DS-PT

Ngày: 09-8-2024

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại  
tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Tuyền;

Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị A, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số D, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A là: Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Số H, đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Võ Hoàng M, sinh năm 1955; địa chỉ: Số B, đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Địa chỉ: Số B, Đường H, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

2/ Anh Phạm Công V, sinh năm 1978; địa chỉ: Số D, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

3/ Anh Phạm Minh K, sinh năm 1980; địa chỉ: Số D, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

4/ Chị Phạm Thị Kim L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số D, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

5/ Anh Phạm Công T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số D, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, ông T, ông K và bà L là ông Lê Phát Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Số H, đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trong thời gian sống chung, ông Phạm Huỳnh L1 (chết năm 2021) và bà Phạm Thị A có tạo lập được các bất động sản là nhà đất thuộc 08 thửa đất gồm: Thửa đất số 86, 87, 204, cùng tờ bản đồ số 1 – 20a và các thửa đất số 3450, 3453, 3451, 3169, 3170 cùng tờ bản đồ số 1, tất cả cùng tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Năm 2009, ông Võ Hoàng M lợi dụng sự tin tưởng của ông Phạm Huỳnh L1 và bà Phạm Thị A đang khó khăn cần vay vốn nên ông M, ông L1, bà A ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả tạo để vay vốn. Tuy nhiên, sau khi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các bất động sản nêu trên thì ông M đã thế chấp các tài sản này tại Ngân hàng và chuyển nhượng cho người khác. Vợ chồng ông L1, bà A đã khởi kiện ông M để đòi lại tài sản nêu trên, vụ kiện giữa các bên đã được Tòa án giải quyết theo Bản án số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Theo đó Tòa án đã tuyên xử vợ chồng ông L1, bà A được nhận lại và có quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản là nhà đất thuộc các thửa đất số 86, 87 tờ bản đồ số 1-20a, tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Đối với các bất động sản còn lại, vợ chồng ông L1, bà A cũng đã khởi kiện tại Tòa án. Do các nhà đất này đã bị ông M chuyển nhượng cho người khác và nhận tiền tiêu xài hết mà không có khả năng hoàn trả lại cho vợ chồng ông L1, bà A nên ông M đã nhiều lần chủ động liên hệ với gia đình ông L1, bà A đề thương lượng đền bù thiệt hại bằng việc xác nhận nghĩa vụ trả nợ cho gia đình ông L1, bà A để bù đắp các tổn thất do mình gây ra. Nhưng bản chất thực sự của việc thương lượng này của ông M là để vận động gia đình ông L1, bà A rút toàn bộ các đơn kiện mà vợ chồng ông L1, bà A đã nộp trước đó tại các cơ quan tố tụng. Cụ thể:

- Ngày 06/12/2018, ông M lập “Giấy xác nhận” cho bà A với nội dung: “Ông xin xác nhận, ông sẽ thực hiện theo Bản án 253/2016 ngày 13/9/2016 về việc tranh chấp hợp đồng của Tòa án tỉnh. Theo quyết định của Tòa án tỉnh là hủy hợp đồng

chuyển nhượng đối với phần đất thửa 87, diện tích 332,9m<sup>2</sup> và diện tích 200m<sup>2</sup> nhà ở; hủy giấy quyền sử dụng thửa 87. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 86 do ông Võ Hoàng M đứng tên được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 4/12/2009 và ngày 08/12/2010.

Buộc ông L1 và bà A trả cho ông là 11.776.000đ. Hợp đồng này để bảo lãnh cho Công ty H vay và nợ lãi ngân hàng. Nay để thi hành bản án của tỉnh ông có yêu cầu tòa án cấp cao kháng nghị. Nếu được chấp thuận thì ông chỉ lấy lại của ông L1 và bà A một tỷ đồng (1.000.000.000).

Ông cam kết sẽ thực hiện và được bà A đồng ý và ký tên để làm bằng.”.

- Ngày 26/10/2020, ông M làm việc với bà A và hai bên thống nhất lập “Biên bản làm việc về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ”, nội dung có căn cứ các hồ sơ vụ án liên quan đã được đình chỉ và hiện đang thi hành án, tại phần cam kết chung của biên bản này như sau:

“1) Ông Võ Hoàng Minh xác n nợ vợ/chồng ông L1, bà A số tiền là: 11.776.982.849 đ (Mười một tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) và cam kết trả đúng thời hạn ngày 11/11/2020.

2) Ông L1, bà A không có bất cứ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào đối với ông Võ Hoàng M. Ông L1, bà A có quyền đòi nợ trong trường hợp ông Võ Hoàng Minh b tính.”.

Tuy nhiên, sau khi ông Phạm Huỳnh L1 mất và các vụ án đã được đình chỉ giải quyết tại các cơ quan tiến hành tố tụng theo như đã thỏa thuận nêu trên thì ông M lại tiếp tục bội tín, không đồng ý thực hiện nghĩa vụ để bù trừ toàn bộ số tiền phải thi hành án và chấm dứt nghĩa vụ phải thi hành án của ông L1, bà A tại cơ quan thi hành án mà ông M lại tiếp tục yêu cầu thi hành bản án nêu trên nên nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Hoàng M phải có nghĩa vụ trả một lần cho bà Phạm Thị A số tiền là 11.776.982.849 đồng (mười một tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) để bù trừ toàn bộ nghĩa vụ phải thi hành án của bà Phạm Thị A theo Bản án số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bị đơn ông Võ Hoàng M, trình bày:

Ông L1 và bà A chỉ đứng tên thửa đất số 86, 87 tờ bản đồ số 1-20a. Thửa đất 204 tờ bản đồ số 1-20a đã bán cho ông rồi, sau đó bà A có tranh chấp xin hủy hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông, sau đó bà A rút toàn bộ đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố Tân An có ra Quyết định số 80/2020/QĐST-DS ngày 15/9/2020 đình chỉ giải quyết vụ án. Thửa đất 3451 tờ bản đồ số 1-20a ông Phạm Công T đứng tên và đã bị thi hành án theo Bản án số 149/2012/DS-PT ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Còn những thửa đất khác ông L1, bà A không đứng tên.

Ngoài ra, bà Phạm Thị C (chị bà A) và các con của bà A là Phạm Công V, Phạm Minh K đã trả tiền cho ông 1.100.000.000 đồng và ông đã rút đơn tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Phạm Công V, Phạm Minh K, Phạm Thị C và để cho họ làm lại giấy quyền sử dụng đất (có kèm theo biên bản

làm việc ngày 24/5/2019 và biên bản thỏa thuận của các đương sự ngày 16/11/2018). Ông chỉ có giao dịch với những người có tên kể trên, còn những vụ việc khác ông không biết. Riêng thửa 86 và 87 tờ bản đồ số 1-20a ông đính kèm theo đơn. Bản án số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã nói rõ, như vậy ông không có gây thiệt hại gì cho bà A.

Riêng đối với Biên bản làm việc ngày 26/10/2020 về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ mà bà A cung cấp cho tòa, ông cho rằng có giả mạo vì tại biên bản đó có hai dòng chữ khác nhau, những hàng chữ tại biên bản này ông có gạch chân là của ông viết. Còn những dòng chữ khác ông không có gạch chân là của người khác điền vào. Vì ngày 24/5/2019 ông N (người được bà A ủy quyền) làm giấy quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T và khi có giấy quyền sử dụng đất ông gọi ông K1, ông V, bà C đến nhận giấy quyền sử dụng đất, còn ông thì nhận tiền, ông N cầm sẵn giấy tờ hướng dẫn ông viết và ký tên nhưng ông đọc lại ông phát hiện có những giấy tờ khác lồng ghép vào xấp giấy này không đúng sự thật nên ông lật đặt lấy lại những giấy đó và yêu cầu bà A xác nhận ký tên trước mặt ông xác nhận những giấy này không có trong vi bằng và hiện nay ông còn giữ những giấy tờ đó. Vì có sự giả mạo, như vậy khi ông lấy những giấy ký mà không đúng, do còn sót lại này. Bà A và những người ông không biết lợi dụng biên bản ông có viết một hai dòng và ký tên lúc ông N chỉ dẫn cho viết và ký nhưng khi ông xem lại thấy không đúng, bỏ dở dang mà lại điền tiếp sau dòng chữ của ông và có người chứng là Nguyễn Quốc V1 mà ông không biết ông Nguyễn Quốc V1 là ai?

Riêng đối với G xác nhận ông ghi cho bà A ngày 06/12/2018 ông có ghi nay để thi hành bản án của tỉnh, ông có yêu cầu Tòa án cấp cao kháng nghị nếu được chấp thuận thì ông chỉ lấy lại của ông L1 và bà A một tỷ đồng nhưng Tòa án cấp cao không có kháng nghị thì cam kết đó không còn hiệu lực nữa. Còn phần biên bản làm việc ngày 26 tháng 10 năm 2020 mà bà A chia ra, ở phần nội dung làm việc ghi “thỏa thuận làm việc trả tiền hôm nay” tức là ngày 26/10/2020 mà trong biên bản đó lại ghi tiếp sau đó, ông Võ Hoàng M cam kết trả hết số tiền là 11.776.982.849đ vào ngày 11 tháng 11 năm 2020. Đây được coi là có mâu thuẫn, và lại ngay thời kỳ đó ngày 11/11/2020 sự việc 11.776.982.849đ đang được thi hành án giải quyết, ông phải dùng 11.776.982.849đ để trả cho ngân hàng E thì ông có muốn thỏa thuận trả cho bà A cũng không được vì phải có ý kiến của thi hành án và ngân hàng, do đó mọi giấy tờ làm ngoài cơ quan thi hành án đều không có hiệu lực và nay năm 2023 bà A cho rằng ông phải bồi thường thiệt hại cho bà thì bà A khởi kiện và kê khai cụ thể thiệt hại những gì mà ra số tiền 11.776.982.849 đồng và khi nào có bản án có hiệu lực pháp luật ông phải bồi thường cho bà A 11.776.982.849đ thì mới thi hành án được.

- Ông đề nghị tòa chuyển hồ sơ phần biên bản ngày 26/10/2020 của bà A sang cơ quan Công an thành phố T để được làm rõ có dấu hiệu hình sự hay không? Vì có sự giả mạo trong biên bản này.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh V, anh K, chị L và anh T, anh Lê Phát Đ trình bày:*

Các anh V, anh K, chị L và anh T thống nhất với lời trình bày của bà là bà Phạm Thị A về nội dung như trên và thống nhất với yêu cầu của bà A về việc yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ trả một lần cho bà Phạm Thị A số tiền là 11.776.982.849đ để bù trừ toàn bộ nghĩa vụ phải thi hành án của bà Phạm Thị A theo Bản án số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A yêu cầu ông Võ Hoàng M trả cho bà số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản là 11.776.982.849đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 01/02/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị A yêu cầu được rút lại toàn bộ đơn khởi kiện theo đơn yêu cầu đề ngày 08/7/2024, bị đơn ông Võ Hoàng M không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của bà Phạm Thị A và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A.

Phản tranh luận: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn D trình bày cho rằng do ông Võ Hoàng M chuyển nhượng các thửa đất số 3169, 3170, 3450, 3451, 3453, cùng tờ bản đồ số 1 và các thửa đất số 86, 87, 204, tờ bản đồ số 1-20a, tất cả cùng tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An của bà Phạm Thị A và ông Phạm Huỳnh L1 cho người khác gây thiệt hại nên sau đó giữa ông M với bà A, ông L1 lập tờ cam kết ngày 06/12/2018 và Biên bản làm việc về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ ngày 26/10/2020, ông M thỏa thuận đền bù thiệt hại bằng việc xác nhận nghĩa vụ trả nợ cho ông L1, bà A với số tiền 11.776.982.849 đồng. Ngược lại bị đơn ông Võ Hoàng Minh xác đ không có gây thiệt hại cho bà A, ông L1 nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà A thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngày 16/4/2009 và ngày 02/6/2009 vợ chồng bà Phạm Thị A, ông Phạm Huỳnh L1 và ông Võ Hoàng M giao kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 86, 87 tờ bản đồ số 1-20a tọa lạc P, thành phố T. Sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn về việc thực hiện hợp đồng nên đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bản án này đang có hiệu lực pháp

luật. Tại phần quyết định của Bản án có nêu “5. Buộc ông Phạm Huỳnh L1, bà Phạm Thị A phải liên đới trả cho ông Võ Hoàng M một phần giá trị thửa đất số 87, thửa đất số 86 và căn nhà trên thửa đất số 86 số tiền 11.776.982.849đ... ”.

Như vậy, tranh chấp giao dịch dân sự giữa ông M và vợ chồng ông L1, bà A đã được giải quyết bằng một bản án đang có hiệu lực pháp luật và số tiền 11.776.982.849 đồng là nghĩa vụ mà ông L1, bà A buộc phải thi hành cho ông M. Trong quá trình thi hành án đối với bản án phúc thẩm trên, ông M đã có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện việc thi hành án đối với bản án này chứng tỏ ông M và bà A, ông L1 không thỏa thuận được với nhau về việc thi hành án (Biên bản về việc giải quyết thi hành án ngày 06/3/2019).

Bà A khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi của ông M gây ra đối với vợ chồng bà nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh hành vi của ông M gây ra thiệt hại gì cho bà và không cung cấp được các bằng chứng cụ thể như chứng từ, hóa đơn để xác định thiệt hại có phát sinh trong thực tế. Hơn nữa, việc tranh chấp các giao dịch dân sự phát sinh giữa bà A, ông L1 và ông M đã được giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đang có hiệu lực pháp luật thi hành trong đó đã có xem xét luôn cả hậu quả của việc hủy bỏ những giao dịch dân sự giữa bà A, ông L1 và ông M. Như vậy, bà A chỉ căn cứ vào “Biên bản làm việc về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ” được lập ngày 26/10/2020 có chữ ký và chữ viết tên ông M để khởi kiện yêu cầu ông M phải bồi thường cho bà A số tiền 11.776.982.849đ với lý do ông M và bà A, ông L1 thực hiện các hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất số 86, 87 tờ bản đồ số 1-20a tọa lạc P gây ra thiệt hại cho bà A, ông L1 nhằm bù trừ toàn bộ nghĩa vụ thi hành án của bà A là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ, kháng cáo của bà A không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị A. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị A thực hiện đúng thời gian quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng tại phiên tòa hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị A có yêu cầu rút lại toàn bộ đơn khởi kiện theo đơn yêu cầu ngày 08/7/2024, tuy nhiên bị đơn ông Võ Hoàng M không đồng ý và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà A. Căn cứ khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị A:

[2.1] Xét thấy, theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2023, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà A trình bày do ông Võ Hoàng M chuyển nhượng các thửa đất số 3169, 3170, 3450, 3451, 3453, cùng tờ bản đồ số 1 và các thửa đất số 86, 87, 204, tờ bản đồ số 1-20a, tất cả cùng tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An của bà Phạm Thị A và ông Phạm Huỳnh L1 cho người khác gây thiệt hại nên sau đó giữa ông M với bà A, ông L1 lập Tờ cam kết ngày 06/12/2018 và Biên bản làm việc về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ ngày 26/10/2020, ông M thỏa thuận đồng ý đền bù thiệt hại với bà A, ông L1 bằng việc xác nhận nghĩa vụ trả nợ số tiền 11.776.982.849 đồng.

[2.2] Xét Tờ cam kết đề ngày 06/12/2018 thể hiện: “ Tôi tên Võ Hoàng M, sinh năm 1955, ngụ tại: 2, N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

*Tôi xin xác nhận tôi sẽ thực hiện theo bản án số 253/2016 ngày 13/9/2016 về việc tranh chấp hợp đồng của Tòa án tỉnh. Theo quyết định của Tòa án tỉnh là hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa 87 diện tích 332,9m<sup>2</sup> và diện tích 200m<sup>2</sup> nhà ở; hủy giấy quyền sử dụng đất thửa 87. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 86 do ông Võ Hoàng M đứng tên được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 04/12/2009; 08 tháng 12 năm 2018.*

*Buộc ông L1 và bà A trả cho tôi là 11.776.000.000 đồng, hợp đồng này để bảo lãnh cho Công ty H và và nợ lãi ngân hàng. Nay để thi hành bản án của tỉnh tôi có yêu cầu Tòa cấp cao kháng nghị nếu được chấp thuận thì tôi chỉ lấy lại của ông L1 và bà A một tỷ đồng (1.000.000.000)”. Thấy rằng, theo nội dung tờ cam kết trên không có nội dung nào thể hiện ông M đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà A số tiền 11.776.982.849 đồng.*

[2.3] Xét, Biên bản làm việc về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ ngày 26/10/2020, phần cam kết chung thể hiện: 1) Ông Võ Hoàng Minh xác n nợ vợ/chồng ông L1, bà A số tiền là: 11.776.982.849 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) và cam kết trả đúng thời hạn ngày 11/11/2020; 2) Ông L1, bà A không có bất cứ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào đối với ông Võ Hoàng M. Ông L1, bà A có quyền đòi nợ trong trường hợp ông Võ Hoàng Minh b tính. ”. Thấy rằng, số tiền mà ông Võ Hoàng Minh xác n nợ là 11.776.982.849 đồng, đúng bằng số tiền mà bà Phạm Thị A và ông Phạm Huỳnh L1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Hoàng M tại phần quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2.4] Xét thấy, theo đơn xin ngăn chặn việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 19/8/2010 của ông Phạm Huỳnh L1 thì ông L1, bà A chỉ đứng tên quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất: thửa đất số 86, 87 và thửa đất số 204, tờ bản đồ số 1-20a, đất tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. Riêng các thửa đất: thửa đất số 3450, tờ bản đồ số 1 do Phạm Minh K đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AU 024270 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 07/12/2004; thửa đất số 3451, tờ bản đồ số 1, do Phạm Công T đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AU 029268 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 07/12/2004 và thửa đất số 3453, tờ bản đồ số 1, do Phạm Công V đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 024266 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày

07/12/2004 và hai thửa đất 3169, 3170 tờ bản đồ số 1 do bà Phạm Thị C đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 63839 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 14/9/2004.

Thấy rằng, thửa đất số 3451, tờ bản đồ số 1 do ông Phạm Công T đứng tên quyền sử dụng có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Võ Hoàng M đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 149/2012/DS-PT ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Riêng, thửa đất số 3450, tờ bản đồ số 1 do ông Phạm Minh K đứng tên quyền sử dụng ; thửa đất số 3453, tờ bản đồ số 1 do ông Phạm Công V đứng tên quyền sử dụng và hai thửa đất 3169, 3170 tờ bản đồ số 1 do bà Phạm Thị C đứng tên quyền sử dụng có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Võ Hoàng M đã được thỏa thuận giải quyết bằng Biên bản làm việc ngày 16/11/2018 và Biên bản làm việc ngày 24/5/2019 giữa ông Võ Hoàng M với bà Phạm Thị A, ông Phạm Huỳnh L1, ông Phạm Công V, bà Dương Thị P, ông Phạm Minh K, bà Nguyễn Thị Kim P1 và bà Phạm Thị C. Các thửa đất số 86 và thửa đất số 87, tờ bản đồ số 1-20a, đất tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An do ông L1 đứng tên quyền sử dụng có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Võ Hoàng M đã giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 1-20a, đất tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An do ông L1 đứng tên quyền sử dụng có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Võ Hoàng M đã giải quyết bằng Quyết định đình chỉ số 80/2020/QĐST-DS ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (do ông L1, bà A rút đơn khởi kiện). Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên cũng xác định bà A đang khởi kiện tranh chấp lại thửa đất trên với ông M tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Như vậy, có căn cứ xác định các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Hoàng M với bà Phạm Thị A, ông Phạm Huỳnh L1, ông Phạm Công T, ông Phạm Công V, bà Dương Thị P, ông Phạm Minh K, bà Nguyễn Thị Kim P1 và bà Phạm Thị C liên quan đến các thửa đất: thửa đất số 3169, 3170, 3450, 3451, 3453, cùng tờ bản đồ số 1 và thửa đất số 86, 87, tờ bản đồ số 1-20a, tất cả cùng tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 149/2012/DS-PT ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và các Biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2018 và ngày 24/5/2019 giữa ông Võ Hoàng M với bà Phạm Thị A, ông Phạm Huỳnh L1, ông Phạm Công V, bà Dương Thị P, ông Phạm Minh K, bà Nguyễn Thị Kim P1 và bà Phạm Thị C. Riêng thửa đất số 204, tờ bản đồ số 1-20a, tọa lạc tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An có tranh chấp giữa bà A và ông M đang được Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết. Bên cạnh đó, bà Phạm Thị A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Võ Hoàng M có hành vi vi phạm pháp luật làm thiệt hại đến tài sản của bà và không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế mà bà phải chịu. Do đó, việc nguyên đơn bà A căn cứ vào Tờ cam kết ngày 06/12/2018 và Biên bản làm việc về việc bồi thường thiệt hại và xác nhận nợ ngày 26/10/2020 để khởi kiện yêu cầu ông Võ Hoàng M phải bồi thường thiệt hại số tiền 11.776.982.849 đồng, đúng bằng số tiền mà bà Phạm Thị A và ông Phạm Huỳnh L1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Hoàng M theo Bản án dân sự

phúc thẩm số 253/2016/DS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị A. Quan điểm phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm cho yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nhưng bà A là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn nộp án phí cho bà A.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị A;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 584, 585 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A về việc yêu cầu ông Võ Hoàng M trả cho bà số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản là 11.776.982.849 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị A.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trọng Nhân**

